

# Cơ cấu dân số và mối liên hệ với những cơ hội phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Nghệ An

Trần Quý Long\*

**Tóm tắt:** Trên cơ sở phân tích kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, 2019 và những số liệu thống kê cấp huyện, bài viết phân tích cơ cấu dân số và mối liên hệ với những cơ hội phát triển kinh tế - xã hội ở Nghệ An. Nhìn chung, dân số Nghệ An đã và đang có những thay đổi lớn cả về số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu, và dần chuyển sang những đặc trưng của dân số sau thời kỳ quá độ. Những khác biệt trong cơ cấu dân số về giới tính, dân tộc, huyện, khu vực của dân số có thể thúc đẩy hoặc hạn chế sự phát triển kinh tế-xã hội của Nghệ An. Vì vậy, các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của Nghệ An cần phải được xây dựng và triển khai linh hoạt, thích ứng với đặc điểm đa dạng, biến động của cơ cấu dân số<sup>1</sup>.

**Từ khóa:** Dân số; Cơ cấu dân số; Quy mô dân số; Phát triển dân số; Nghệ An.

**Phân loại ngành:** Xã hội học, Kinh tế học

**Ngày nhận bài:** 5/8/2022; ngày chỉnh sửa: 22/8/2022; ngày duyệt đăng: 9/9/2022.

## 1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo là một nhiệm vụ trọng tâm trong các Chiến lược phát triển bao trùm, toàn diện của mỗi quốc gia. Để hỗ trợ cho quá trình thực hiện nhiệm vụ này cần phân tích cơ cấu dân số và những chỉ báo thành phần. Tiếp cận nghiên cứu cơ cấu dân số sẽ giúp xác định được các nhóm đối tượng cần được ưu tiên trong quá trình xây dựng chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho mỗi quốc gia, tỉnh, địa phương. Bài viết nghiên cứu cơ cấu dân số và mối liên hệ với những cơ hội

\* TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp Bộ “Một số vấn đề dân số trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An” do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện năm 2020-2022.

phát triển kinh tế xã hội ở Nghệ An trên cơ sở phân tích kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019 và 2009 và những số liệu thống kê cấp huyện.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019, tổng số dân của Nghệ An vào 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 là 3.327.696 người. Nghệ An là tỉnh đông dân thứ 2 ở vùng Bắc Trung Bộ (sau Thanh Hóa) và là tỉnh có dân số đông thứ 4 cả nước. Sau 10 năm từ 2009 đến 2019, dân số của Nghệ An tăng thêm 415.655 người với tỷ lệ tăng dân số bình quân năm là 1,33%, trong đó tỷ lệ tăng dân số bình quân năm ở khu vực thành thị là 2,68% và ở khu vực nông thôn là 1,12%. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm của Nghệ An cao nhất so với các tỉnh ở vùng Bắc Trung Bộ. Tỉnh có tỷ lệ tăng dân số bình quân năm cao thứ hai trong vùng là Thanh Hóa với tỷ lệ 0,68% và tỉnh có tỷ lệ tăng dân số bình quân năm thấp nhất của vùng là Thừa Thiên - Huế với tỷ lệ 0,37%. Qua đó cho thấy, tỷ lệ tăng dân số của Nghệ An vẫn ở mức hơn 1%/năm. Kết quả này có thể được cho là do “đà tăng dân số” (population momentum), đà tăng dân số thường xảy ra ở một tập hợp dân số có mức sinh trong quá khứ khá cao.

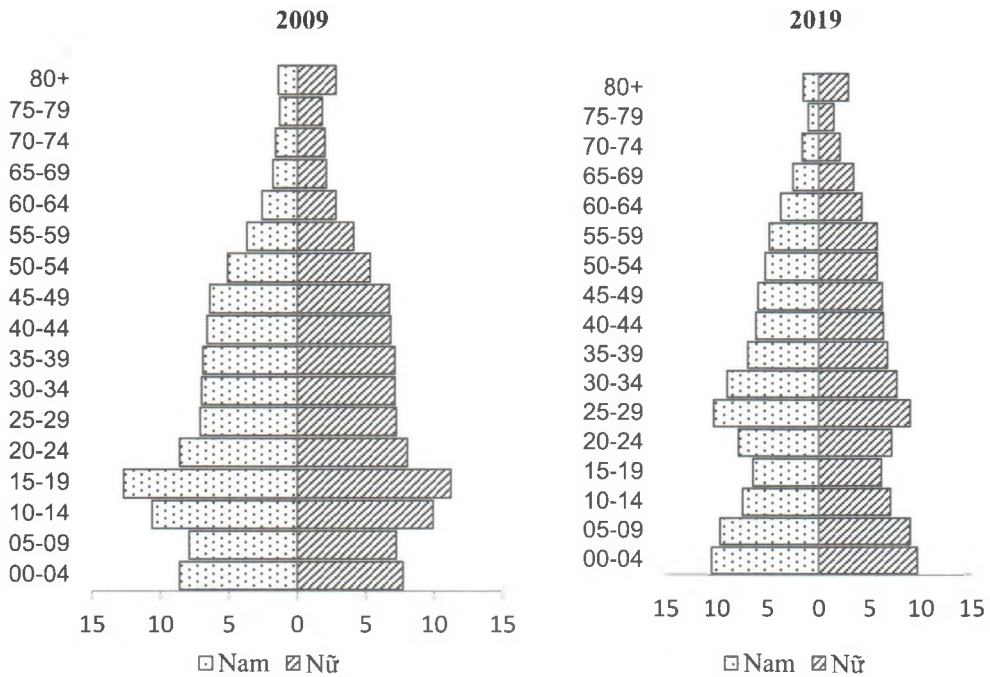
## **2. Đặc điểm cơ cấu dân số Nghệ An và mối liên hệ với những cơ hội phát triển kinh tế - xã hội**

### **2.1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi**

Tuổi và giới tính là hai trong số những yếu tố nhân khẩu học quan trọng nhất ảnh hưởng đến nền kinh tế và sức khỏe dân số của một quốc gia, một tỉnh. Cụ thể, cơ cấu tuổi - giới tính của dân số quyết định tới một số đặc trưng của một tỉnh như lực lượng lao động, GRDP, tăng trưởng kinh tế và hiệu quả sản xuất cũng như bảo hiểm xã hội. Vì vậy, những phân tích về sự biến động trong cơ cấu tuổi - giới tính của dân số cần phải là những thông tin đầu vào quan trọng để xây dựng và thực hiện các chính sách, chiến lược kinh tế - xã hội ở cấp quốc gia cũng như cấp tỉnh. Bên cạnh đó, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và giới tính phản ánh một bức tranh tổng quát về mức sinh, mức chết và tốc độ gia tăng dân số. Một công cụ hữu ích để mô tả cơ cấu dân số theo giới tính và nhóm tuổi là tháp tuổi, hay còn gọi là tháp dân số.

Biểu đồ 1 trình bày cơ cấu dân số theo nhóm 5 độ tuổi và chia theo giới tính của dân số Nghệ An năm 2009 và 2019. Năm 2019, nhóm dân số 0-4 tuổi của Nghệ An chiếm tỷ trọng lớn nhất, 10%. Xét nhóm tuổi theo tình trạng lao động, tỷ lệ dân số phụ thuộc trẻ em 0-14 tuổi là 26,5%, tỷ lệ dân số già từ 65 tuổi trở lên là 8,3%, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) là 65,2%.

**Biểu đồ 1. Cơ cấu dân số Nghệ An chia theo độ tuổi, giới tính**



Sự khác biệt ở phần đáy tháp của năm 2019 so với năm 2009 cho thấy mức sinh ở Nghệ An đã có sự thay đổi sau 10 năm, nhóm dân số trẻ em 0-4 tuổi tăng từ 8,1% năm 2009 lên 10% năm 2019 (cụ thể dân số nam từ 4,2% lên 5,2% và dân số nữ từ 3,9% lên 4,8%); nhóm dân số 5-9 tuổi tăng từ 7,6% năm 2009 lên 9,3% năm 2019 (cụ thể dân số nam tăng từ 3,9% lên 4,8% và dân số nữ từ 3,7% lên 4,4%). Tính chung, tỷ lệ dân số trẻ em dưới 15 tuổi của Nghệ An có thay đổi nhiều giữa 2 cuộc Tổng điều tra dân số. Theo đó, dân số dưới 15 tuổi trong tổng dân số toàn tỉnh chiếm 26% năm 2009 tăng lên 26,5% năm 2019. Tỷ lệ dân số già 65 tuổi trở lên có sự gia tăng giữa hai kỳ Tổng điều tra, từ 7,4% năm 2009 lên 8,3% năm 2019 (trong đó dân số nam từ 2,9% lên 3,3% và dân số nữ từ 4,3% lên 5%). Phần giữa của tháp tuổi năm 2019 ở ba thanh nhóm tuổi 10-14, 15-19, 20-24 thu hẹp hơn so với năm 2009 cho thấy tỷ trọng lực lượng thanh niên trẻ của Nghệ An giảm sau 10 năm, chủ yếu là do mức sinh thấp của giai đoạn 10-15 năm trước cùng với ảnh hưởng của yếu tố tử vong. Các thanh của tháp tuổi 2019 ở nhóm tuổi từ 25-64 được mở rộng so với tháp tuổi 2009, đáng chú ý là độ tuổi 25-29 có sự thay đổi rõ rệt. Qua đó cho thấy, Nghệ An vẫn duy trì một lực lượng dân số trong độ tuổi lao động dồi dào, là lợi thế lớn cho tỉnh trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

**2.2. Cơ cấu dân số theo giới tính**

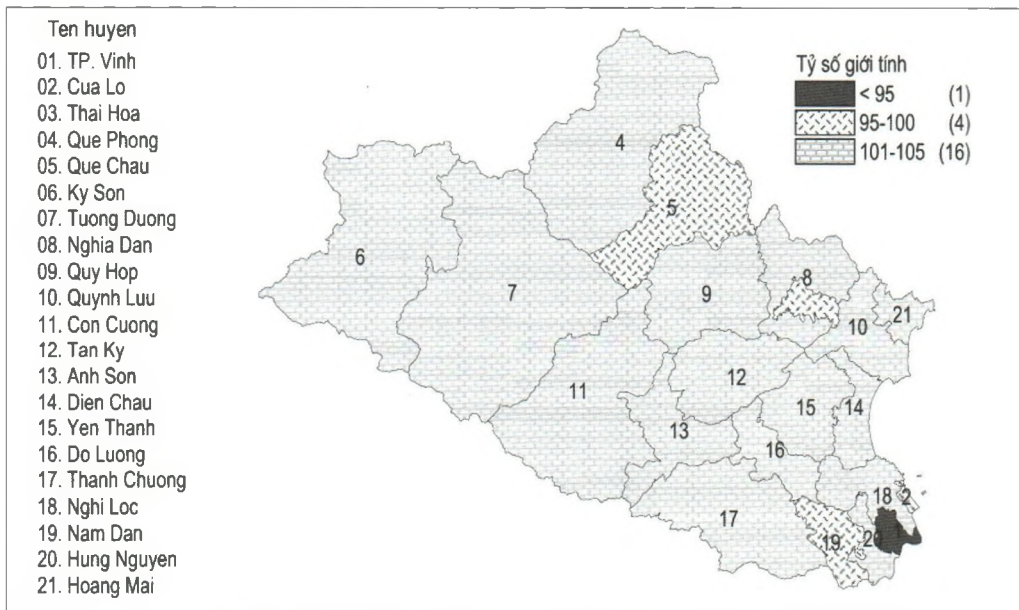
Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019, trong tổng dân số Nghệ An, dân số nam là 1.672.901 người và dân số nữ là 1.654.890 người, tương

đương với khoảng 50,3% và 49,7% tổng dân số. Theo đó, tỷ số giới tính của Nghệ An là 101,1 nam/100 nữ.

Năm 2019, tỷ số giới tính dân số nam cao hơn nữ của Nghệ An được thể hiện từ 0-49 tuổi, đặc biệt là tỷ số giới tính ở mức quá cao (trên 110) ở các nhóm dân số 20-34 tuổi. Hiện tượng nhân khẩu học này chủ yếu là do mất cân bằng giới tính khi sinh trong những năm qua và sẽ gây ra mất cân bằng giới tính cho những thế hệ trưởng thành trong tương lai ở Nghệ An. Sự “thiếu hụt” phụ nữ trưởng thành có thể gây ra những vấn đề văn hóa, xã hội, kinh tế và bạo lực giới nghiêm trọng trong tương lai. Đây là một điểm cần lưu ý trong việc triển khai các biện pháp chính sách về dân số hiện nay ở Nghệ An.

Từ nhóm tuổi 40 trở đi, tỷ số giới tính thể hiện dân số nam thấp hơn dân số nữ, đặc biệt ở nhóm dân số cao tuổi từ 80 trở lên, dân số nam chỉ bằng một nửa dân số nữ. Điều này cho thấy, do ảnh hưởng của yếu tố nhân khẩu học, nam giới có tuổi thọ thấp hơn so với nữ giới. Tỷ số giới tính của nhóm dân số già từ 60 tuổi trở lên là 73,4%, kết quả này là do tỷ lệ chết ở nam giới cao hơn nữ, hậu quả của cuộc chiến tranh hơn 45 năm về trước.

**Bản đồ 1. Tỷ số giới tính chia theo huyện**



Nguồn: Tính toán từ Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019.

Bản đồ 1 trình bày tỷ số giới tính của các huyện của Nghệ An và cho thấy có sự khác biệt đáng kể. Trong số 21 huyện/thành phố của Nghệ An, thành phố Vinh là địa bàn có tỷ số giới tính thấp nhất tỉnh, 94,1%, tức là có 94,1 nam giới



trên 100 nữ giới. Có thể thành phố Vinh là địa bàn chịu sự ảnh hưởng của yếu tố đô thị hóa, hiện đại hóa như dân số có học vấn, đời sống kinh tế - xã hội cao hơn và đặc trưng nghề nghiệp khác biệt so với các huyện/thị xã khác nên người dân ở địa bàn này không đặt nặng vấn đề sở thích con trai, sinh nhiều con, lựa chọn giới tính khi sinh. Trong khi đó, có đến 16 huyện có tỷ số giới tính trên 100, trong đó Nghĩa Đàn và Thanh Chương là hai huyện có tỷ số giới tính cao nhất tính, 105 nam giới trên 100 nữ giới. Số huyện còn lại (4 huyện) có tỷ số giới tính từ 95 đến 100.

Cũng như tỷ số giới tính chung của tổng thể dân số, tỷ số giới tính của từng dân tộc phụ thuộc vào tỷ số giới tính khi sinh và sự khác biệt về mức độ chết, di cư theo giới. Dân tộc Thổ có tỷ số giới tính cao nhất với 108,8 nam so với 100 nữ. Trong khi đó, tỷ số giới tính của dân tộc Kinh là thấp nhất, 100,7%.

Tỷ số giới tính của khu vực nông thôn Nghệ An lớn hơn 100 từ 0 đến 39 tuổi. Đặc biệt hai nhóm tuổi 30-34 và 35-39 có tỷ số giới tính rất cao (trên 121). Kết quả này cho thấy sở thích con trai diễn ra mạnh mẽ ở khu vực nông thôn Nghệ An trước đây. Ngược lại, tỷ số giới tính ở khu vực thành thị lớn 100 ở hai nhóm dân số trẻ em 0-4, 5-9 tuổi và nhóm vị thành niên 15-19 tuổi. Bắt đầu từ nhóm tuổi 20-24 trở đi, tỷ số giới tính ở khu vực thành thị bắt đầu giảm cho đến nhóm tuổi già nhất.

Tỷ số giới tính của nhóm dân số già (60 tuổi trở lên) của khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn 8,9 điểm phần trăm, 80,8% so với 71,9%. Kết quả này phản ánh người cao tuổi ở khu vực thành thị có tuổi thọ trung bình cao hơn do điều kiện sống tốt hơn, được tiếp cận với các dịch vụ an sinh xã hội, y tế tốt hơn so với khu vực nông thôn.

### ***2.3. Cơ cấu dân số theo trình độ học vấn***

Học vấn luôn được coi là một trong những chỉ báo quan trọng phản ánh chất lượng nguồn lực của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Bên cạnh việc giúp đánh giá trình độ phát triển của mỗi quốc gia, địa phương, trình độ học vấn còn có tác động tới việc làm, điều kiện sống, an sinh xã hội, và cách ứng xử của cá nhân đối với các vấn đề của cuộc sống.

Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, số người có trình độ học vấn cao nhất đạt được từ trung học phổ thông trở lên (THPT+) của Nghệ An chiếm 41,7% tổng dân số từ 15 tuổi trở lên, tăng 1,8 lần so với năm 2009 (23,03%). Thành phố Vinh nổi trội nhất trong các địa phương khi có tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có học vấn dưới tiểu học chỉ là 0,9% và tỷ lệ có học vấn từ THPT trở lên là 76,2%. Một điểm đáng chú ý là 20 huyện thị xã còn lại của Nghệ

An có tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên có học vấn từ đại học trở lên đều chiếm dưới 10%.

Có sự khác biệt giữa các huyện của Nghệ An trong tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên đạt kết quả học vấn từ trung học phổ thông trở lên. Theo đó, chỉ duy nhất thành phố Vinh có tỷ lệ trên 50% (76,2%) dân số 15 tuổi trở lên có học vấn từ THPT trở lên, trong khi hai huyện miền núi Kỳ Sơn và Quế Phong có tỷ lệ là 21,3%.

Giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn của Nghệ An có sự chênh lệch ở trình độ học vấn cao nhất của dân số từ 15 tuổi trở lên. Theo đó, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có học vấn tốt nghiệp trên trung học phổ thông ở khu vực thành thị là 37%, trong khi ở khu vực nông thôn chỉ là 13,6%, thấp hơn 23,4 điểm phần trăm. Ngược lại, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên chưa tốt nghiệp tiểu học ở khu vực nông thôn cao hơn gần ba điểm phần trăm so với thành thị (lần lượt là 4,6% và 1,7%), chênh lệch này tăng lên 8 và 18 điểm phần trăm ở 2 bậc học vấn tiểu học và trung học cơ sở. Qua đó cho thấy, sự phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng tốt ở khu vực thành thị của Nghệ An đã tạo cơ hội cho người dân nơi đây được tiếp cận với các dịch vụ giáo dục phổ thông dễ dàng hơn. Ngoài ra, khu vực thành thị của Nghệ An cũng là điểm đến hấp dẫn hơn trong việc thu hút người có trình độ cao tới sinh sống và làm việc.

#### ***2.4. Cơ cấu dân số theo tỷ số phụ thuộc***

Khi nói đến tác động của dân số đến sự phát triển kinh tế - xã hội, người ta thường nói đến gánh nặng của người không làm việc/không hoạt động kinh tế (người phụ thuộc) mà những người làm việc/hoạt động kinh tế phải chịu và sử dụng tỷ số phụ thuộc (TSPT).

Tỷ số phụ thuộc là chỉ tiêu đánh giá gánh nặng của dân số trong độ tuổi lao động. Ngoài ra, tỷ số phụ thuộc còn phản ánh tác động của mức sinh, mức chết đến cơ cấu tuổi và lực lượng lao động. Tỷ số phụ thuộc chung biểu thị phần trăm của dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên trên 100 người ở nhóm tuổi 15-64.

Phân tích kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, tỷ số phụ thuộc chung của Nghệ An là 53,5%, nghĩa là 100 người trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) phải gánh 53,5 người phụ thuộc (bao gồm trẻ em dưới 15 tuổi và người già 65 tuổi trở lên). Kết quả này cho thấy, Nghệ An đã bước ra khỏi thời kỳ cơ cấu dân số vàng khi không còn 2 người trong độ tuổi lao động phải gánh đỡ 1 người phụ thuộc. Vì vậy, Nghệ An cần có cái nhìn toàn diện hơn về tỷ số phụ thuộc khi mà số người trong độ tuổi không làm việc so với số người trong độ tuổi lao động đang có chiều hướng gia tăng sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến

sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như ảnh hưởng đến vấn đề nguồn lực đầu tư phát triển ở hiện tại và tương lai và các vấn đề liên quan khác. Theo đó, cần thực hiện tuyên truyền và thi hành các chính sách về duy trì mức sinh thay thế tại các địa phương của tỉnh Nghệ An để đảm bảo việc duy trì cân bằng cơ cấu dân số trong tuổi lao động và dân số phụ thuộc.

Các huyện miền núi có sự khác nhau tỷ lệ phụ thuộc chung. Những huyện đang có cơ cấu dân số vàng khi tỷ số phụ thuộc chung từ 50% trở xuống như Tương Dương, Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Con Cuông, Tân Kỳ. Nếu không có sự quan tâm và có các chính sách phát triển phù hợp, cơ cấu “dân số vàng” ở một số huyện miền núi Nghệ An không những sẽ không đem lại tác động tích cực cho phát triển của tỉnh mà sẽ là áp lực về việc làm, trật tự, an ninh xã hội... Vì thế, đòi hỏi có những chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng với nhu cầu của thị trường lao động, tăng năng suất lao động, tạo việc làm cho lực lượng lao động trẻ, bảo đảm an sinh xã hội cho người già và người dễ bị tổn thương, bảo đảm bình đẳng giới ở 5 huyện miền núi này.

Có sự khác biệt giữa các vùng của tỉnh trong tỷ số phụ thuộc. Tỷ số phụ thuộc trẻ em cao nhất ở vùng ven biển và tương đương nhau ở hai vùng đồng bằng và miền núi. Tỷ số phụ thuộc già cao nhất ở vùng đồng bằng, tiếp theo là vùng ven biển và thấp nhất ở vùng miền núi. Thể hiện chất lượng cuộc sống và tuổi thọ người già có mối liên hệ với điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng. Vùng đồng bằng là vùng có điều kiện phát triển kinh tế xã hội cao hơn nên tỷ số phụ thuộc người già ở vùng này cũng cao hơn so với hai vùng còn lại.

Kết quả phân tích cho thấy dân tộc Thái là đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng khi tỷ số phụ thuộc chung nhỏ hơn 50%. Các dân tộc khác đã dần vượt ra khỏi cơ cấu dân số vàng, đặc biệt là dân tộc Mông có tỷ lệ phụ thuộc chung cao nhất, 73,5%, điều này có nghĩa là 1 người trong độ tuổi lao động phải gánh đỡ 0,73 người phụ thuộc. Qua đó nhấn mạnh rằng, việc giảm mức sinh có ý nghĩa quan trọng trong việc giảm tỷ số phụ thuộc ở nhóm người Mông.

Các chỉ số phụ thuộc của khu vực nông thôn Nghệ An luôn thấp hơn so với khu vực thành thị, trong đó tỷ lệ phụ thuộc chung thấp hơn 2,6 điểm phần trăm. Kết quả này cho thấy khu vực thành thị có mức sinh cao hơn và tuổi thọ trung bình của người già cao hơn so với khu vực nông thôn.

### ***2.5. Cơ cấu dân số theo chỉ số già hóa***

Già hóa dân số đang trở thành một trong những chủ đề được quan tâm không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Già hóa dân số sẽ tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội bao gồm: thị trường lao động, tài chính, nhu

cầu về dịch vụ xã hội cơ bản, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi... Tại Việt Nam, vấn đề già hóa đang đặt ra thách thức khi tốc độ già hóa nhanh trong bối cảnh nước ta vẫn là một quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp.

Một trong những chỉ tiêu quan trọng biểu thị xu hướng già hóa của dân số là chỉ số già hóa. Chỉ số này phản ánh cấu trúc của dân số phụ thuộc và phản ánh quá trình chuyển đổi cơ cấu dân số theo hướng tăng tỷ trọng dân số già. Chỉ số già hóa được biểu thị bằng tỷ số của dân số từ 60 tuổi trở lên trên 100 người dưới 15 tuổi tính theo phần trăm.

Phân tích kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, chỉ số già hóa của Nghệ An là 46,3%, tức là cứ 100 trẻ em dưới 15 tuổi thì có 46,3 người già từ 60 tuổi trở lên. Chỉ số già hoá của Nghệ An đã tăng từ 38,9% năm 2009 lên 46,3% năm 2019. Điều này cho thấy xu hướng già hóa dân số ở Nghệ An diễn ra khá nhanh trong một thập kỷ qua là do sự biến đổi về cơ cấu tuổi của dân số theo xu hướng tỷ trọng của trẻ em dưới 15 tuổi tăng chậm, trong khi tỷ trọng người già 60 tuổi trở lên tăng nhiều hơn. Kết quả phân tích cho thấy, trong khi dân số trẻ em chỉ tăng 17% thì dân số già tăng lên 39% giữa hai thời điểm Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 và 2019. Có khả năng già hóa ở Nghệ An tiếp tục tăng trong thời gian tới và sẽ trở thành vấn đề lớn nếu Nghệ An không chuẩn bị trước một hệ thống an sinh xã hội thật tốt dành cho người già thông qua cải cách hệ thống bảo trợ xã hội, mở rộng độ bao phủ của bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế và khuyến khích các đơn vị sử dụng lao động tạo việc làm và môi trường việc làm phù hợp với năng lực và sức khỏe người cao tuổi.

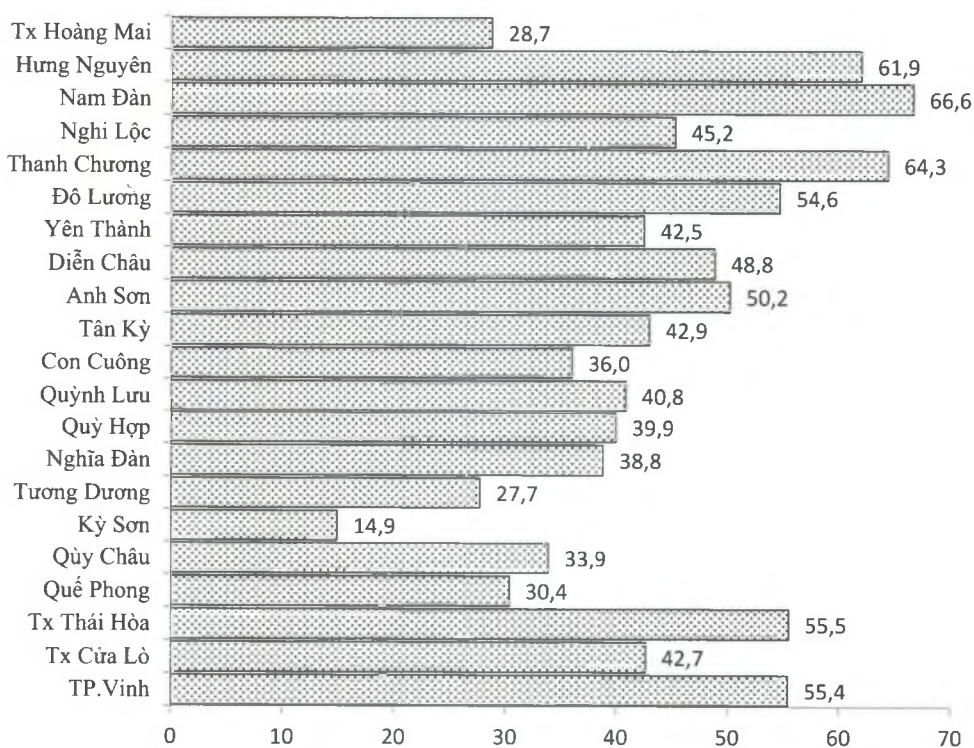
Chỉ số già hóa năm 2019 của Nghệ An có sự khác biệt rõ rệt theo huyện, từ 14,9% đến 66,6% (Biểu đồ 2). Nam Đàn là huyện có chỉ số già hóa cao nhất tỉnh, 66,6%, tiếp theo là huyện Thanh Chương với tỷ lệ 64,3%. Ngược lại Kỳ Sơn là huyện có chỉ số già hóa thấp nhất của Nghệ An, 14,9%. Có thể đây là huyện miền núi nên cuộc sống của người dân ở đây còn nhiều khó khăn nên dẫn đến tuổi thọ của người cao tuổi thấp hơn so với những huyện khác của tỉnh.

Chỉ số già hóa cao hơn thể hiện sức khỏe và tuổi thọ của người dân đã được cải thiện hơn. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy chỉ số già hóa ở các dân tộc thiểu số của tỉnh Nghệ An khá thấp. Chỉ số già hóa của dân tộc Mông là 13,1% và thấp nhất là của dân tộc Khơ Mú, chỉ 10,9%, thấp hơn đến 39 điểm phần trăm so với nhóm có chỉ số già hóa cao nhất là dân tộc Kinh. Qua đó cho thấy, vấn đề già hóa ở các dân tộc thiểu số của Nghệ An đang đặt ra những thách thức trong việc bảo đảm an sinh xã hội và chăm sóc người cao tuổi.



Khu vực nông thôn Nghệ An có chỉ số già hóa thấp hơn khu vực thành thị 6,1 điểm phần trăm. Kết quả này là do ở khu vực thành thị có số lượng người già 60 tuổi trở lên so với trẻ em dưới 15 tuổi cao hơn so với khu vực nông thôn. Chỉ số già hóa thấp nhất ở vùng miền núi và cao nhất ở vùng đồng bằng. Qua đó thể hiện tuổi thọ của người cao tuổi ở khu vực miền núi nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thấp hơn so với vùng đồng bằng. Vì vậy, Nghệ An cần có những chính sách để đảm bảo thích ứng với già hóa dân số như đã nêu trong mục tiêu của Nghị quyết số 21- NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XII của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Trong đó, cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và hệ thống an sinh xã hội, chính sách lao động cho người cao tuổi vẫn đang tham gia hoạt động kinh tế giúp giải quyết các vấn đề về xã hội, nâng cao mức sống, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ, tăng quy mô sản xuất.

**Biểu đồ 2. Chỉ số già hóa chia theo huyện của Nghệ An**



### 2.6. Cơ cấu dân số hoạt động kinh tế/ lực lượng lao động

Lực lượng lao động (LLLĐ) là bộ phận dân số cung cấp hoặc sẵn sàng cung cấp sức lao động để sản xuất của cải vật chất và dịch vụ nhằm mục đích

tạo thu nhập cho cá nhân hoặc gia đình. Nói cách khác, LLLĐ là những người từ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019, Nghệ An có 1.887.506 người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động, chiếm 56,7% tổng dân số, hơn bốn phần năm (87,1%) lực lượng lao động của Nghệ An tập trung ở khu vực nông thôn. Miền núi là vùng có tỷ lệ dân số tham gia lực lượng lao động cao nhất, 39%, tiếp theo là vùng đồng bằng và thấp nhất là vùng ven biển. Như vậy, khu vực nông thôn và vùng miền núi là những nơi mà Nghệ An cần tập trung có các chương trình khai thác nguồn lực lao động, tạo việc làm và đào tạo nghề trong những năm tới.

Trong tổng số lực lượng lao động của tỉnh, nữ giới chiếm tỷ trọng thấp hơn nam giới (49,3% nữ giới so với 50,7% nam giới). Tỷ trọng nữ trong lực lượng lao động ở khu vực nông thôn thấp hơn khu vực thành thị.

Tỷ trọng dân số 15-24 tuổi của Nghệ An tham gia LLLĐ trong năm 2019 chiếm 13,2%, thấp hơn so với năm 2009 (21,1%). Có thể do các thành tựu về kinh tế cùng với các yêu cầu cao hơn của thị trường về chất lượng nguồn lao động trong những năm gần đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc dân số từ 15 tuổi trở lên tham gia thị trường lao động muộn để kéo dài thời gian học tập, chuẩn bị tốt các kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu thị trường hơn trước khi tham gia vào thị trường lao động.

Trong số các huyện, Diễn Châu là địa phương có tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên tham gia LLLĐ cao nhất, 9,3%, tiếp theo là huyện Yên Thành và thành phố Vinh. Ngược lại, thị xã Cửa Lò là địa phương có tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên tham gia LLLĐ thấp nhất với 1,4%.

Cơ cấu lực lượng lao động theo giới tính và độ tuổi phản ánh tình trạng nhân khẩu học và kinh tế-xã hội. Theo đó, Nghệ An có 77,2% dân số ở độ tuổi từ 25-59 đang ở trong lực lượng lao động, trong đó tỷ trọng đạt cao nhất ở nhóm tuổi 25-29 (14,9%) và bắt đầu giảm ở nhóm 30-34 tuổi trở đi. Dân số ở nhóm tuổi trẻ (nhóm 15-19 tuổi và nhóm 20-24 tuổi) và nhóm tuổi già (từ 60 tuổi trở lên) đều chiếm tỷ trọng trong lực lượng lao động thấp (dưới 10%). Nghệ An có một lực lượng lao động trẻ, gần một nửa (49,5%) số người thuộc lực lượng lao động trong độ tuổi từ 20-39. Có thể thấy, đặc trưng này của Nghệ An giống đặc trưng chung của toàn quốc và của các nước trên thế giới đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khi cơ cấu tuổi của dân số trong lực lượng lao động gấp đôi các nhóm dân số còn lại.

Có sự khác nhau đáng kể về phân bố lực lượng lao động theo nhóm tuổi giữa khu vực thành thị và nông thôn của Nghệ An. Tỷ lệ phần trăm trong lực

lượng lao động của nhóm tuổi trẻ (15-24) và già (55 tuổi trở lên) ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn. Ngược lại, đối với nhóm tuổi lao động chính (25-54) thì tỷ lệ này của thành thị lại cao hơn của khu vực nông thôn. Điều này cho thấy, người lao động ở khu vực thành thị tham gia vào lực lượng lao động muộn hơn và ra khỏi lực lượng lao động sớm hơn so với người lao động ở khu vực nông thôn. Lý do chính giải thích đặc điểm này là do nhóm dân số trẻ ở khu vực thành thị có thời gian đi học dài hơn và người lớn tuổi ở khu vực thành thị nghỉ làm việc sớm hơn so với khu vực nông thôn (phần nào do những người về hưu ở khu vực thành thị thường không tiếp tục tham gia vào hoạt động kinh tế).

### 3. Kết luận

Nghệ An là tỉnh có số dân đông đứng thứ 4 cả nước. Mật độ dân số Nghệ An tăng và phân bố không đều giữa các huyện và vùng. Quy mô dân số chủ yếu của các đơn vị cấp huyện là dưới 10 vạn người, có 7 huyện có quy mô lớn với dân số từ 20 đến 30 vạn người. Quy mô và phân bố dân cư không đồng đều giữa các đơn vị cấp huyện là sự khác biệt về điều kiện địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Mức sinh của Nghệ An có nhiều thay đổi trong thập kỷ qua và đang ở mức cao so với bình quân chung của cả nước và trên mức sinh thay thế. Với các vùng, khu vực có tỷ suất sinh cao và đời sống còn kém thì việc ưu tiên hàng đầu cho việc thực hiện chính sách dân số dài hạn là phải tăng cường đầu tư có hiệu quả hơn nữa cho việc phát triển kinh tế, y tế, giáo dục. Nghệ An cần đẩy mạnh tuyên truyền các chương trình kế hoạch hóa gia đình, thúc đẩy giá trị gia đình hạt nhân ít con và con cái có chất lượng để giảm thiểu chi phí cơ hội từ việc chăm sóc nhiều con cũng như tăng cơ hội cho phụ nữ tham gia các hoạt động kinh tế và xã hội. Gia đình quy mô lớn có thể làm cạn kiệt các nguồn lực đầu tư cho trẻ em dẫn đến sức khỏe yếu kém, mức tử vong cao và học vấn thấp. Các cú sốc kinh tế thường tác động đến hộ gia đình đông con, nhiều trẻ em bởi vì những hộ gia đình này rất dễ tổn thương với nghèo đói và nghèo đói sẽ “truyền tải từ thế hệ này sang thế hệ khác”. Các chương trình dân số cần hướng cụ thể đến các nhóm dân số thiệt thòi vì họ không có hoạt rất ít khả năng tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ dân số.

Hơn một phần ba dân số từ 15 tuổi trở lên đạt trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên. Tỷ lệ dân số có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ đại học trở lên tăng hơn hai lần. Có sự khác biệt về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật của dân số giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn, giữa các vùng, dân tộc của tỉnh. Nhìn chung, với trình độ học vấn thấp, người dân ở những



vùng miền núi, nông thôn gặp nhiều khó khăn trong đời sống, trong việc tiếp cận thông tin, kiến thức về lao động sản xuất hoặc kém tự tin khi tham gia.

Mối quan hệ giữa cơ cấu dân số và sự phát triển kinh tế - xã hội dĩ nhiên không mang tính mặc định. Nghệ An có dân số trong độ tuổi lao động khá đông, được xem như là một lợi thế cho phát triển kinh tế của tỉnh nếu năng suất lao động của nhóm dân số này tăng lên, đồng thời cũng tạo ra sức ép đối với tỉnh trong vấn đề việc làm. Nghệ An cần tránh việc rơi vào “bẫy nhân công giá rẻ”, nghĩa là dân số lao động cần phải chuyển đổi để đạt được năng suất và chất lượng sản phẩm. Nếu không cải thiện được nguồn nhân lực còn yếu về trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng lao động cao thì có thể Nghệ An khó vượt qua được “trần thủy tinh” để tiến xa hơn trong phát triển kinh tế xã hội. Trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động thì nhóm lao động không có kỹ năng sẽ khó có thể tránh được những tổn thương về việc làm và thu nhập. Vì thế, tỉnh cần phải có các chính sách kinh tế, xã hội hợp lý. Cụ thể là phải có chính sách đảm bảo phần lớn những người trong độ tuổi lao động có việc làm tạo ra sản phẩm, nếu họ thất nghiệp thì hậu quả sẽ làm tăng thêm gánh nặng phụ thuộc. Tiếp theo, phải có chính sách ưu tiên đầu tư cho phát triển vốn con người, trước hết là y tế, giáo dục đối với nhóm phụ thuộc.

Vấn đề già hóa dân số sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới và sẽ trở thành vấn đề lớn nếu Nghệ An không chuẩn bị trước một hệ thống an sinh xã hội thật tốt dành cho người già thông qua cải cách hệ thống bảo trợ xã hội, mở rộng độ bao phủ của bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế và khuyến khích các đơn vị sử dụng lao động tạo việc làm và môi trường việc làm phù hợp năng lực, sức khỏe người cao tuổi. Theo xu hướng chung, quy mô gia đình ngày càng nhỏ lại, tỷ lệ người già sống độc thân, góa bụa, nhất là phụ nữ ngày càng gia tăng, rất nhiều người già vẫn phải phụ thuộc về mặt kinh tế vào người khác và hay mắc các bệnh mạn tính và cấp tính. Vì vậy, nếu không có đủ các chính sách hỗ trợ thì người già sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống.

Dân số đô thị ở Nghệ An sẽ tăng thêm trong thời gian tới, cần có những liên hệ để đảm bảo lợi ích của cơ cấu dân số theo khu vực. Để thực hiện được điều này một cách công bằng và tránh tình trạng phát triển “thiên về đô thị” đòi hỏi phải có các phân tích chính sách, bởi vì các đô thị ở Nghệ An sẽ ngày càng trở thành động lực phát triển chính, đồng thời cũng được ngày càng nhiều người dân chọn làm nơi cư trú. Vì vậy, cần phải xây dựng các đô thị ở Nghệ An để có thể mang lại sự phồn vinh cho cả dân số thành thị và nông thôn. Với tỷ trọng dân số sống nhiều hơn nông thôn, việc đa dạng hóa ngành nghề và thúc đẩy hoạt động của các ngành sử dụng nhiều lao động như may mặc, giày dép, thủy hải sản... ở khu vực nông



thôn Nghệ An là hết sức cần thiết. Nếu không như vậy, lực đẩy lao động di cư từ nông thôn đi đến các khu vực thành thị, tỉnh, vùng khác vẫn tiếp tục diễn ra. Hầu hết nhóm lao động di cư không có tay nghề và kỹ năng, định hướng nghề nghiệp thấp, chấp nhận các công việc nặng nhọc với tiền công thấp. Nếu không có các chính sách phù hợp về đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp cho lao động nông thôn thì gánh nặng sẽ ngày càng lớn do khu vực nông thôn không thể phát triển do thiếu lao động và năng suất không được cải thiện. Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ở khu vực miền núi để phát triển kinh tế sẽ tạo được việc làm, giảm nghèo đói và tránh xung đột lợi ích. Bên cạnh đó, bất bình đẳng giới có thể góp phần làm chậm tốc độ phát triển của Nghệ An. Nữ giới với những đặc trưng như học vấn thấp, mức sinh cao, chiếm tỷ trọng cao hơn ở những công việc có vị thế thấp hơn. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và tỷ lệ lao động có việc làm giữa nam giới và nữ giới có sự khác biệt là một phần do cơ hội việc làm khác nhau. Một nguyên nhân quan trọng của sự khác biệt là do dân số nữ có xu hướng làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và các công việc giản đơn cao hơn nam giới và tỷ lệ lao động kỹ thuật của nam giới cao hơn nữ giới. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Nghệ An trong thời gian tới đòi hỏi phải có sự quan tâm hơn nữa đến dân số lao động nữ bởi vì họ sẽ vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong lực lượng lao động và dễ bị tổn thương hơn trước các biến động kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, dân số Nghệ An đã và đang có những thay đổi lớn cả về số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu, và dần chuyển sang những đặc trưng của dân số sau thời kỳ quá độ. Tuy nhiên, những thay đổi này ở mức độ rất khác nhau giữa các nhóm dân số cũng như các vùng, khu vực, dân tộc. Có thể thấy, bất bình đẳng giới, dân tộc, vị trí địa lý, khu vực là những yếu tố hạn chế sự phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh Nghệ An. Vì vậy, các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội cần phải được xây dựng và triển khai linh hoạt, thích ứng với đặc điểm đa dạng của cơ cấu dân số ở Nghệ An. Về cơ bản, tỉnh cần có những chính sách thích hợp để ứng phó với những vấn đề mới nảy sinh của cơ cấu dân số trong giai đoạn hiện nay, nhất là ở những huyện, vùng, khu vực, dân tộc có sự phát triển kinh tế - xã hội kém hơn ở những nơi khác.